|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM**  HỘI NÔNG DÂN TỈNH PHÚ YÊN  **BCH HND HUYỆN SÔNG HINH**  **\*** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số 101-KH/HNDH |  | *Sông Hinh, ngày 21 tháng 01 năm 2022* |

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện chỉ tiêu giao ước thi đua năm 2022**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Chỉ tiêu** | **Lộ trình** | | | | **Nhiệm vụ, giải pháp** | **Thời hạn** | **Tổ chức thực hiện** | | |
| *Quý I* | *Quý II* | *Quý III* | *Quý IV* | *Quyết định* | *Chủ trì* | *Phối hợp* |
| **1**- **Nắm thông tin phản ánh tâm tư, nguyện vọng của Hội viên Nông dân.** | **6.970 người** | 2000 | 2000 | 2000 | 1970 | 1.1- Rà soát, lập danh sách hội viên nông dân thực tế ở từng chi Hội cụ thể trực thuộc các cơ sở Hội xã, thị trấn. | Tháng  2 | Thường trực Hội | Đ/c Lưu-VP Hội | Các cơ sở Hội |
| 1.2- Tổ chức hướng dẫn các cơ sở Hội, các chi, tổ Hội phương pháp nắm và xử lý thông tin phản ánh tâm tự, nguyện vọng của Hội viên nông dân. | Tháng 2 | Ban Thường vụ Hội | Đ/c Hiếu-CT Hội | Các cơ sở Hội |
| 1.3- Duy trì sinh hoạt chi, tổ Hội hàng tháng để nắm thông tin, lắng nghe phản ánh của hội viên nông dân và kịp thời báo cáo Hội cấp trên bằng văn bản. | Thường xuyên | Thường trực Hội | Lãnh đạo các cơ sở Hội | Các chi, tổ Hội |
| 1.4- Phân công nhiệm vụ Thường trực cơ sở Hội, chi Hội trưởng, tổ Hội trưởng tăng cường nắm bắt thông tin cá biệt đối với Hội viên nông dân định kỳ hàng tuần, tháng. | Thường xuyên | Cán bộ Phụ trách địa bàn | Lãnh đạo các cơ sở Hội | Các chi, tổ Hội |
| 1.5- Mỗi năm 01 lần Thường trực Hội Nông dân xã, thị trấn chủ trì, phối hợp với chi bộ, ban nhân dân các thôn, buôn, khu phố tổ chức Hội nghị đối thoại, tiếp xúc với hội viên nông dân để nắm thông tin phản ánh tâm tư, nguyện vọng, báo cáo phản ánh cấp có thẩm quyền nắm, giải quyết. | Quý I | Cán bộ phụ trách địa bàn | Lãnh đạo các cơ sở Hội | Chi bộ, Ban nhân dân thôn, buôn, khu phố |
| 1.6- Mỗi năm 01 lần, Thường trực Hội Nông dân huyện chủ trì, phối hợp với Đảng uỷ, UBND các xã, thị trấn tổ chức Hội nghị đối thoại, tiếp xúc với hội viên nông dân để nắm thông tin phản ánh tâm tư, nguyện vọng, báo cáo phản ánh cấp có thẩm quyền nắm, giải quyết. | Quý I | Ban Chấp hành Hội | Đ/c Hiếu-CT Hội | Đảng uỷ, UBND xã, thị trấn |
| 1.7- Duy trì nghiêm chế độ báo cáo việc nắm bắt thông tin dư luận, tâm tư, nguyện vọng của Hội viên nông dân theo Kế hoạch số 94-KH/HNDH, ngày 30/11/2021 của Hội Nông dân huyện về thực hiện nắm bắt dư luận xã hội và tình hình tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của hội viên, nông dân. | Hàng tháng | Thường trực Hội | Đ/c Lưu-VP Hội | Chủ tịch Hội ND xã, thị trấn |
| **2**- **Kết nạp hội viên mới.** | **410 Hội viên** | 80  Hội viên | 90  Hội viên | 80  Hội viên | 80  Hội viên | 2.1- Củng cố, kiện toàn các chi Hội; đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt Hội theo hướng thực chất, hiệu quả để thu hút hội viên tham gia. | Tháng 2 | Thường trực Hội | Lãnh đạo các cơ sở Hội | Các chi Hội |
| 2.2- Quan tâm quản lý tốt hội viên, nắm chắc tình hình dư luận, tâm tư, nguyện vọng, các vấn đề bức xúc để cùng hội viên tháo gỡ, giải quyết; kịp thời hỗ trợ, giúp đỡ khi hội viên gặp khó khăn. | Thường xuyên | Cán bộ phụ trách địa bàn | Lãnh đạo các cơ sở Hội | Các chi Hội |
| 2.3- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thành lập chi, tổ Hội nghề nghiệp; tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để hội viên, nông dân gặp gỡ, chia sẻ kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh, hợp tác, liên kết giúp nhau phát triển kinh tế, vươn lên làm giàu. | Thường xuyên | Thường trực Hội | Cán bộ phụ trách địa bàn | Lãnh đạo các cơ sở Hội |
| 2.4- Rà soát, lập danh sách những người có đủ điều kiện kết nạp hội viên nông dân theo từng thôn, buôn, khu phố để lên kế hoạch, phân công tuyên truyền, vận động kết nạp hội viên mới. | Hàng tháng | Cán bộ phụ trách địa bàn | Lãnh đạo các cơ sở Hội | Các chi Hội |
| 2.5- Đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền, vận động, thu hút, kết nạp hội viên mới như thông qua việc tham gia các Câu lạc bộ nông dân khởi nghiệp, chi, tổ Hội nghề nghiệp, tổ vay vốn… | Thường xuyên | Ban Thường vụ Hội | Thường trực Hội | Lãnh đạo các cơ sở Hội |
| **3**- **Xây dựng quỹ Hội** | **75 chi Hội có quỹ** | 15 chi Hội | 20  chi Hội | 20 chi Hội | 20 chi Hội | 3.1- Chỉ đạo, hướng dẫn các chi Hội tổ chức sinh hoạt chuyên đề để thảo luận về giải thích mục đích, ý nghĩa, sự cần thiết của việc xây dựng quỹ chi Hội, mức đóng và kế hoạch thu, công tác quản lý, sử dụng Quỹ sao cho dân chủ, công khai, minh bạch, rõ ràng. | Thường xuyên | Cán bộ phụ trách địa bàn | Lãnh đạo các cơ sở Hội | Các chi Hội |
| 3.2- Vận động các hội viên tham gia các hoạt động gây quỹ cho chi Hội như nhận thuê ngày công hoặc nhận làm một số công việc phù hợp từ các công trình, dự án trên địa bàn... | Thường xuyên | Lãnh đạo các cơ sở Hội | Các chi Hội trưởng | Ban, ngành, đơn vị |
| 3.3- Chủ động nhận phân công của chi bộ, ban nhân dân thôn, buôn, khu phố trong việc thu các khoảng quỹ đóng góp trong dân… | Thường xuyên | Lãnh đạo cơ sở Hội | Các chi Hội trưởng | Chi bộ, BND |
| 3.4- Phân công chi Hội trưởng Hội Nông dân kiêm Tổ trưởng Tổ TK&VV đối với những đơn vị phù hợp, để có thêm nguồn thu quỹ chi Hội. | Quý I | Ban Thường vụ Hội | Thường trực Hội các cấp | Ngân hàng, UBND |
| **4**- **Cán bộ Hội chuyên trách được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội và cập nhật kiến thức mới.** | **11 Người** |  |  |  |  | 4.1- Chủ động liên hệ, phối hợp với Hội Nông dân tỉnh để triển khai thực hiện các nội liên quan đến việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội và cập nhật kiến thức mới cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Nông dân các xã, thị trấn. | Quý II | Hội Nông dân tỉnh | Ban Thường vụ Hội ND huyện | Các cơ sở Hội |
| 4.2- Trên cơ sở đề cương, tài liệu do Hội Nông dân tỉnh biên soạn, cung cấp, Thương trực Hội Nông dân huyện sẽ mở rộng đối tượng để tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ và cập nhật kiến thức mới cho cán bộ từ cơ sở Hội đến chi, tổ Hội. | Quý III | Hội Nông dân tỉnh | Ban Thường vụ Hội ND huyện | Các cơ sở Hội |
| **5**- **Cán bộ chi Hội, tổ Hội được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng, phương pháp công tác Hội.** | **75 người/11 xã, thị trấn** | 03 đơn vị | 03 đơn vị | 03 đơn vị | 02 đơn vị | 5.1- Xây dựng đề cương, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp công tác Hội cho cán bộ các chi, tổ Hội và trình Hội Nông dân tỉnh thẩm định, phê duyệt trước khi triển khai thực hiện. | Quý I | Hội Nông dân tỉnh | Đ/c Hiếu-CT Hội | Các cơ sở Hội |
| 5.2- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ, phương pháp công tác Hội và phong trào nông dân cho cán bộ các chi, tổ Hội nông dân trực thuộc các cơ sở Hội. | Quý I | Ban Thường vụ Hội | Đ/c Hiếu-CT Hội | Các cơ sở Hội |
| 5.3- Phối hợp với các cơ sở Hội lập danh sách đối tượng tập huấn, chuẩn bị Hội trường, tài liệu và các điều kiện cần thiết khác đảm bảo tổ chức tập huấn thành công. | Quý I | Thường trực Hội | Đ/c Lưu-VP Hội | Các cơ sở Hội |
| **6**- **Hộ Nông dân đạt danh hiệu SXKDG các cấp** | **4000 Hộ** | 1000  Hộ | 1000 Hộ | 1000  Hộ | 1000  Hộ | 6.1- Rà soát, lập danh sách hộ nông dân đạt danh hiệu SXKDG các cấp đối với từng địa phương, đối chiếu, phân loại theo các tiêu chí quy định; kịp thời hỗ trợ, giúp đỡ hộ dân giữ vững danh hiệu đã đạt. | Tháng 02 | Thường trực Hội | Đ/c Lưu-VP Hội | Lãnh đạo các cơ sở Hội |
| 6.2- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động hội viên nông dân đăng ký phấn đấu sản xuất kinh doanh giỏi các cấp đạt chỉ tiêu giao. | Tháng 02 | Thường trực Hội | Cán bộ phụ trách địa bàn | Các cơ sở, chi Hội |
| 6.3- Phối hợp với các cơ quan trực thuộc Hội Nông dân tỉnh, sở ngành tỉnh, huyện và các đơn vị liên quân tổ chức thông tin thị trường, giới thiệu các loại cây trồng, vật nuôi, các mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả, định hướng giúp nông dân lựa chọn các mô hình phù hợp để phát triển kinh tế hộ gia đình. | Quý II | Lãnh đạo Hội Nông dân tỉnh | Ban Thường vụ Hội | Sở, ngành, đơn vị liên quan |
| 6.4- Tập trung tuyên truyền, vận động hội viên nông dân mạnh dạn đầu tư sử dụng cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp từ khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc đến thu hoạch sản phẩm và từ khâu chăm sóc đến cho ăn trong chăn nuôi; mạnh dạn áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn, bền vững như tiêu chuẩn VietGAP…vừa tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, đảm bảo đầu ra ổn định, thu nhập cao, bền vững. | Quý I | Ban Thường vụ Hội | Thường trực Hội | Các cơ sở Hội |
| 6.5- Tích cực, chủ động tham gia hỗ trợ hội viên đăng ký danh hiệu SXKDG xây dựng phương án, phát triển mô hình sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật theo nhu cầu cụ thể và được tiếp cận với các nguồn vốn vay để phát triển kinh tế. | Thường xuyên | Ban Thường vụ Hội | Thường trực Hội | Sở, ban ngành, đơn vị |
| 6.6- Tuyên truyền, vận động hội viên nông dân tổ chức lại sản xuất, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp; tạo điều kiện, hỗ trợ nông dân phát triển các mô hình kinh tế nông hộ, hình thức các hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nong nghiệp; vận động, hỗ trợ, khuyến khích việc liên kết giữa những người nông dân để tập trung ruộng đất và tổ chức lại sản xuất theo hướng chuyên canh, tạo điều kiện áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hoá vào sản xuất. | Quý II, III | Ban Thường vụ Hội | Thường trực Hội | Sở, ban ngành, đơn vị liên quan |
| **7**- **Tăng trưởng nguồn vốn Quỹ HTND (*từ nguồn vận động*)** | **59 triệu** | 15 triệu | 15 triệu | 15 triệu | 14 triệu | 7.1- Tổ chức tuyên truyền, giải thích về mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc hoạt động và sử dụng nguồn Quỹ HTND để hội viên nông dân hiểu rõ, từ đó tích cực tham gia đóng góp, tăng trưởng Quỹ. | Tháng 03 | Cán bộ phụ trách địa bàn | Lãnh đạo các cơ sở Hội | Các chi Hội |
| 7.2- Tổ chức thảo luận để thống nhất với hội viên từng chi Hội về mức đóng, hình thức, thời hạn thu; công tác quản lý và định hướng sử dụng Quỹ một cách công khai, minh bạch, dân chủ và gắn với lợi ích thiết thực của hội viên. | Quý I | Lãnh đạo các cơ sở Hội | Chi Hội trưởng | Hội viên nông dân |
| 7.3- Để khuyến khích đóng góp, tăng trưởng Quỹ, hàng năm khi xây dựng Phương án cho vay, Hội Nông dân huyện sẽ phân bổ lại suất vay theo mức đóng góp cho các địa phương, thôn, buôn khu phố ngoài nguồn Quỹ phân bổ của cấp trên. | Định kỳ | Ban Chấp hành Hội | Ban Thường vụ Hội | Các cơ sở Hội |
| 7.4- Tổ chức củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Điều hành Quỹ HTND từ huyện đến cơ sở; thường xuyên kiểm tra, đánh giá các mô hình sản xuất kinh doanh từ nguồn vốn Quỹ HTND, phát huy hiệu quả và quản lý, bảo toàn tốt nguồn vốn vay. | Quý I | Thường trực Hội | Các cơ sở Hội | Hộ vay |
| **8**- **Cơ sở hội xây dựng được HTX, THT (*tuyên truyền, hướng dẫn*).** | **02 HTX, 04 THT (***11 buổi tuyên truyền, 11 buổi khảo sát***)** | 04 buổi Ttr, 04 buổiKh sát | 04 buổi Ttr, 04 buổiKh sát | 03 buổi Ttr, 03 buổiKh sát | 02 Hợp tác xã, 04 Tổ hợp tác | 8.1- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/HNDTW, ngày 27/7/2020 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (*khoá VII*) về Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2020-2025. | Tháng 03 | Ban Thường vụ Hội | Thường trực Hội | Các cơ sở Hội |
| 8.2- Tổ chức tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên, nông dân về bản chất, vai trò của kinh tế tập thể, nhất là hợp tác xã kiểu mới trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. | Tháng 03 | Liên minh HTX tỉnh | Ban Thường vụ Hội | Các ban, ngành, đơn vị |
| 8.3- Tổ chức khảo sát, nắm tình hình sản xuất, kinh doanh của hội viên nông dân, xem xét những đối tượng, mô hình phù hợp để định hướng, hỗ trợ xây dựng, phát triển thành THT, HTX. | Tháng 04 | Liên minh HTX tỉnh | Ban Thường vụ Hội | Các ban, ngành, đơn vị |
| 8.4- Phối hợp với ngành chức năng tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ Hội và nguồn nhân lực phát triển kinh tế tập thể để hỗ trợ tốt công tác tư vấn, hướng dẫn thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác. | Quý IV | Liên minh HTX tỉnh | Ban Thường vụ Hội | Các ban, ngành, đơn vị |
| **9**- **Cơ sở Hội xây dựng mới được mô hình tự quản về ANTT.** | **11**  **Mô hình** | 03 Mô hình | 03 Mô hình | 03 Mô hình | 02 Mô hình | 9.1- Tiến hành kiểm tra, đánh giá thực chất hiệu quả hoạt động của các mô hình nông dân tự quản về ANTT hiện tại của các địa phương; trên cơ sở đó, tổ chức củng cố, kiện toàn lại mô hình, quy chế hoạt động phù hợp, thiết thực, hiệu quả hơn. | Tháng 02 | Ban Thường vụ Hội | Thường trực Hội | Các cơ sở Hội, chi Hội |
| 9.2- Lên danh sách các mô hình tự quản dự kiến thành lập mới; dự thảo quyết định, quy chế hoạt động và kế hoạch thành lập, ra mắt tổ nông dân tự quản về ANTT. | Tháng 02 | Thường trực Hội | Lãnh đạo  Các cơ sở Hội | Chi bộ, chi Hội |
| 9.3- Phối hợp với Công an huyện, Đảng uỷ, UBND các xã, thị trấn tiến hành khảo sát và hướng dẫn các thôn, buôn, khu phố thành lập các mô hình nông dân tự quản về an ninh trật tự. | Quý II | Ban Thường vụ Hội | Thường trực Hội | Các đơn vị liên quan |
| 9.4- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn phương thức sinh hoạt, hoạt động của tổ nông dân tự quản về ANTT. | Quý II | Ban Thường vụ Hội | Thường trực Hội | Đơn vị liên quan |
| **10**- **Hộ HV, ND sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm đăng ký cam kết đảm AT VSTP.** | **7000** | 2000 | 2000 | 2000 | 1000 | 10.1- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về ATVSTP và lợi ích, ý nghĩa của việc sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm sạch. | Quý I | Thường trực Hội | Các cơ sở Hội | Đơn vị liên quan |
| 10.2- Tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu các mô hình, phương pháp, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn, bền vững và có hiệu quả kinh tế cao để hội viên, nông dân học tập, làm theo. | Quý I | Ban Thường vụ Hội | Thường trực Hội | Cơ sở Hội, chi Hội |
| 10.3- Xây dựng và cung cấp mẫu Bản cam kết Hộ hội viên, nông dân sản xuất kinh doanh nông sản, thực phẩm ATVSTP cho các chi Hội thôn, buôn, khu phố. | Tháng 05 | Thường trực Hội | Đ/c Hiếu-CT Hội | Cơ sở Hội, chi Hội |
| 10.4- Tăng cường công tác tuyên truyền cá biệt, trực tiếp từng hộ gia đình, vận động hội viên, nông dân ký cam kết và thực hành sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm đảm bảo ATVSTP. | Thường xuyên | Ban Thường vụ Hội | Thường trực Hội | Cơ sở Hội, chi Hội |
| **11**- **Tuyên truyền, vận động cơ sở Hội xây dựng được ít nhất 01 mô hình bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.** | **11**  **mô hình** | 03 mô hình | 03 mô hình | 03 mô hình | 02 mô hình | 11.1- Tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến cho hội viên, nông dân về tình hình môi trường và biến đổi khí hậu, đặc biệt là tác động của nó đến đời sống và sản xuất của nông dân. | Thường xuyên | Ban Thường vụ Hội | Thường trực Hội | Cơ sở Hội, đơn vị liên quan |
| 11.2- Tiến hành kiểm tra, đánh giá thực chất hiệu quả hoạt động của các mô hình bảo về môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu hiện tại của các địa phương; trên cơ sở đó, tổ chức củng cố, kiện toàn lại mô hình, quy chế hoạt động phù hợp, thiết thực, hiệu quả hơn. | Quý III | Ban Thường vụ Hội | Thường trực Hội | Cơ sở Hội, đơn vị liên quan |
| 11.3- Lên danh sách các mô hình bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu dự kiến thành lập mới; dự thảo quyết định, quy chế hoạt động và kế hoạch thành lập, ra mắt mô hình. | Tháng 02 | Thường trực Hội | Lãnh đạo các cơ sở Hội | Chi bộ, chi Hội |
| 11.4- Phối hợp với Phòng TNMT, Đảng uỷ, UBND các xã, thị trấn tiến hành khảo sát và hướng dẫn các thôn, buôn, khu phố thành lập các mô hình.  11.5- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn phương thức sinh hoạt, hoạt động của mô hình nông dân bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. | Quý II | Ban Thường vụ Hội  Ban Thường vụ Hội | Thường trực Hội  Thường trực Hội | Đơn vị liên quan  Đơn vị liên quan |
| 11.6- Phối hợp với các ngành chức năng, chính quyền địa phương thường xuyên quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ để mô hình phát huy hiệu quả tốt. | Thường xuyên | Thường trực Hội | Các cơ sở Hội | Đơn vị liên quan |
| **12**- **Cán bộ Hội Nông dân cấp huyện biết sử dụng 01 ngoại ngữ trong giao tiếp: 01 người** | | | | | | | | | | |
| **13**- **Hội viên nông dân tham gia BHYT.** | **7.160 người** | 2000 | 2000 | 2000 | 1160 | 13.1- Tổng hợp, lập danh sách hội viên đã tham gia đóng BHYT và những hội viên nông dân chưa tham gia BHYT. | Tháng 03 | Cán bộ phụ trách địa bàn | Các cơ sở Hội | Các chi Hội |
| 13.2- Phối hợp với ngành BHYT huyện tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định, chính sách hỗ trợ đối với người tham gia BHYT, đặc biệt là lợi ích đối với sức khoẻ của người dân. | Theo Kế hoạch chung | Ban Thường vụ Hội | Đ/c Lãnh-PCT Hội | Các đơn vị liên quan |
| 13.3- Lên kế hoạch, giao chỉ tiêu, nhiệm vụ, lộ trình thời gian thực hiện cụ thể cho cán bộ chi Hội, cơ sở Hội. | Tháng 03 | Cán bộ phụ trách địa bàn | Lãnh đạo các cơ sở Hội, chi Hội | Hội viên, nông dân |
| 13.4- Tăng cường tuyên truyền, vận động cá biệt, trực tiếp hội viên, nông dân; hỗ trợ, hướng dẫn họ tham gia đóng BHYT. | Thường xuyên | Cơ sở Hội | Chi Hội | Hội viên, nông dân |
| **14**- **Thành lập chi, tổ Hội nghề nghiệp.** | **11 chi Hội, 22**  **tổ Hội** | 03 chi, 06  tổ | 03 chi, 06  tổ | 03 chi,  06  tổ | 02 chi,  04  tổ | 14.1- Tổ chúc tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/HNDTW, ngày 05/8/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (*khoá VII*) về xây dựng chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp; về bản chất, vai trò, mục đích, ý nghĩa và phương thức hoạt động của chi Hội, tổ Hội nông dân nghề nghiệp. | Quý I | Ban Thường vụ Hội | Thường trực Hội | Các cơ sở Hội |
| 14.2- Tiến hành kiểm tra, đánh giá thực chất hiệu quả hoạt động của các chi, tổ Hội nông dân nghề nghiệp; trên cơ sở đó, tổ chức củng cố, kiện toàn, hoàn thiện quy chế để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. | Tháng 02 | Cán bộ phụ trách | Các cơ sở Hội | Chi Hội, tổ Hội |
| 14.3- Tổ chức khảo sát, nắm tình hình sản xuất, kinh doanh của hội viên nông dân, lập danh sách hội viên theo đối tượng ngành nghề của từng thôn, buôn, khu phố. | Tháng 02 | Cán bộ phụ trách địa bàn | Các cơ sở Hội | Chi Hội, tổ Hội |
| 14.4- Tiến hành tổ chức đánh giá, phân tích các yếu tố, điều kiện cần thiết để thành lập chi Hội, tổ Hội; hướng dẫn quy trình thành lập và tổ chức hoạt động của chi Hội, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp. | Quý II | Ban Thường vụ Hội | Thường trực Hội | Các cơ sở Hội |
| **15**- **Mỗi xã, thị trấn xây dựng địa chỉ “*Hỗ trợ nông dân vượt khó, thoát nghèo*”** | **11 hộ** | 03 hộ | 03 hộ | 03 hộ | 02 hộ | 15.1- Phối hợp với Đảng uỷ, UBND các xã, thị trấn đăng ký nhận hỗ trợ, giúp đỡ mỗi địa phương từ 1-2 hộ nghèo, thoát nghèo. | Theo Kế hoạch chung | Cán bộ phụ trách địa bàn | Lãnh đạo các cơ sở Hộ | Chi bộ, chi Hội |
| 15.2- Tổ chức nắm tình hình, đánh giá thực chất điều kiện, hoàn cảnh của hộ nghèo, các tiềm năng và nhu cầu của hộ nghèo. | Tháng 02 | Cán bộ phụ trách địa bàn | Cơ sở Hội, chi bộ, chi Hội | Hộ nghèo |
| 15.3- Tổ chức thảo luận và thống nhất kế hoạch hỗ trợ, giúp đỡ hộ nghèo, thoát nghèo bền vững. | Tháng 03 | Thường trực Hội | Đơn vị liên quan | Hộ nghèo |
| 15.4- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch và thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc đảm bảo nội dung công việc được thực hiện thực chất, đúng tiến độ và đạt mục tiêu đề ra. | Thường xuyên | Cán bộ phụ trách địa bàn | Đơn vị liên quan | Hộ nghèo |

Nơi nhận: **T/M BAN THƯỜNG VỤ**

- Thường trực Hội ND tỉnh; CHỦ TỊCH

- Văn phòng Hội ND tỉnh;

- Ban Thường vụ Hội ND huyện;

- Các cơ sở Hội.

- Lưu VP Hội.

**Bá Minh Hiếu**